

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (2023 – 2024)
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A.MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổn g % điểm
			Nhận biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại	3	3	1	1	60
		Thơ					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn học .	1*	1*	1*	1*	40
Tổng			25%	45%	20%	10%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiếu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %
1	ĐỌC HIỂU	1.Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.	3	3	1	1	8

		- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại. - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của của nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm. -Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. Vận dụng cao:					
--	--	--	--	--	--	--	--

			- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.					
		2. Thơ	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài					

			thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. Vận dụng cao: - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.					
2	LÀM VĂN	Nghị luận về một	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác					

		đoạn trích/tác phẩm văn học phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,... của đoạn trích/tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm . - Phân tích được những biểu hiện riêng của loại hình nghệ thuật thể hiện trong tác phẩm (ví dụ, cốt truyện, vai diễn trong bộ phim; các yếu tố hình khối, đường nét trong tác phẩm điêu khắc; ...). - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm). Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính					
--	--	--	--	--	--	--	--

		thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.						
Tỉ lệ %			30	40	20	10	100	
Tỉ lệ chung			70		30		100	

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1. CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

1. Truyện ngắn hiện đại

- **Truyện ngắn** là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có thể gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt chẽ, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật.

- **Truyện ngắn hiện đại** là khái niệm được dùng để phân biệt với truyện ngắn trung đại (truyện ngắn thời trung đại). Tuy có mặt tương đồng về dung lượng với truyện ngắn trung đại nhưng truyện ngắn hiện đại có những đặc điểm riêng. *Về đề tài*, truyện ngắn hiện đại nghiêng về những câu chuyện của đương thời, của đời sống thường nhật, không nhất thiết phải hướng tới những nhân vật và sự kiện kì lạ, phi thường. *Về cấu trúc*, truyện ngắn hiện đại thường được tổ chức xoay quanh một lát cắt của đời sống, ít thể hiện tham vọng bao quát toàn bộ sự kiện hay số phận nhân vật. *Về xây dựng tính cách*, truyện ngắn hiện đại quan tâm diễn tả những thay đổi về tâm lí, ứng xử của nhân vật trong quá trình phát triển của câu chuyện. *Về nghệ thuật trần thuật*, truyện ngắn hiện đại thường có sự chuyển đổi linh hoạt điểm nhìn và sử dụng ngôn ngữ gần gũi hơn với đời thường, trong đó việc miêu tả nét riêng của ngôn ngữ nhân vật được đặt biệt chú trọng.

2. Câu chuyện và truyện kể

- **Câu chuyện** (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian.

- **Truyện kể** gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể câu chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...); Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng cũng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm và đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng được miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, **lời nhân vật** là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...).

BÀI 2: CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

1. Cấu tứ trong thơ

Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với *việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.*

Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm. Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa

quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa câu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu câu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ **tượng trưng** trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của **yếu tố tượng trưng**. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... bằng những cách thức khác nhau. Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

3. Ngôn ngữ văn học

Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học. Trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên, ngôn ngữ văn học hình thành và phát triển phong phú nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn. Bởi

vậy, ngôn ngữ văn học thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của người viết. Tính hình tượng và tính thẩm mỹ là hai tính chất quan trọng nhất của ngôn ngữ văn học, chi phối các tính chất khác như tính chính xác, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm, tính cá thể hoá,...

Đa nghĩa là một trong những tính chất rất nổi bật của ngôn từ trong tác phẩm văn học. Ở đây, từ ngữ không chỉ có nghĩa đen, nghĩa gốc, nghĩa ban đầu mà còn có nghĩa mới, nghĩa phát sinh, do chúng thường được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.

B.YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố: Câu chuyện, truyện kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, cấu tứ, yếu tố tượng trưng, ... trong văn bản đọc hiểu.

2. Viết văn

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm **truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 11 – **trang 39,43,44,45**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại theo yêu cầu.
- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm **thơ** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 10 – **trang 66, 69,70,71**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐỢI MƯA TRÊN ĐẢO SINH TỒN

*...Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi
Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt
Mưa lèm nhèm, chúng tôi chẳng thích đâu
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu
Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước
Một giọt nhỏ thôi, cát cũng dậu đi nhiều
Ôi hòn đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu
Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương đầy gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm, trong đập nhịp tim người
Như đá vững bền, như đá tốt tươi...
Mưa vẫn dăng màn lộng lẫy phía xa khơi
Mưa yếu điệu như một nàng công chúa
Dù mưa chẳng bao giờ đến nữa
Thì xin cứ hiện lên thăm thẳm cuối chân trời
Để bao giờ cánh lính chúng tôi
Cũng có một niềm vui đón đợi...*

(**Đảo Sinh Tồn, quần đảo Trường Sa** - Trần Đăng Khoa, NXB
Tác phẩm mới, 1985)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn thơ trên được làm theo thể thơ gì?

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?

Câu 3. “*Chúng tôi*” khi đợi mưa có tâm trạng như thế nào?

Câu 4. Việc những người lính đợi mưa trên đảo cho thấy điều gì về cuộc sống nơi đây?

Câu 5. Qua câu thơ “*Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo*” đã nói lên phẩm chất nào của những người lính đảo?

Câu 6. Anh/ Chị hiểu như thế nào về câu thơ “*Mưa yếu điệu như một nàng công chúa*”?

Câu 7. Từ đoạn thơ trên, anh/chị rút ra được bài học gì cho bản thân?

Câu 8. Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về tên của hòn đảo – “Đảo Sinh Tồn (Trả lời bằng 4-5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận phân tích cấu tứ và hình ảnh trong đoạn thơ *Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* của Trần Đăng Khoa.

-----HẾT-----

ĐỀ 2

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

“ *Bây giờ thì hấn trở thành mỗ thật rồi. Một thằng mỗ đủ tư cách mỗ, chẳng chịu kém một anh mỗ chính tông một tí gì: cũng dê tiện, cũng lấy là, cũng tham ăn.*

(...)

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế, hấn hoi. Và chỉ mới cách đây độ ba năm, hấn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ.

(...)

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dẩn. Những người ít tuổi hơn, nói đến hấn, cũng gọi bằng thằng. Trong những cuộc hội họp, nếu hấn có vui miệng nói chõ vào một vài câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thềm bắt chuyện... Hấn nhận thấy sự thay đổi ấy, và bắt đầu hối hận. Nhưng sự đã trót rồi, biết làm sao được nữa? Hấn tặc lưỡi và nghĩ bụng: “Tháng ba này, thằng nào thằng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dãi nhỏ ra, hết còn làm bộ!...” Một ý phản kích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy... Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi

trơ lại một mình. Mặt hấn đỏ bừng lên. Hấn do dự một lúc rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai ngạnh không chịu ngồi chung với mõ. Ông tìm một người khác, xếp vào cho đủ cỗ, và an ủi Lộ:

- Chú ăn sau cũng được.

Lộ âm ừ cho xong chuyện, rồi nhàn một lúc không ai để ý, lén ra về. Hấn tấm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hấn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cái việc nhục nhã vừa rồi. Hấn thở ngắn thở dài, lắm lúc hấn muốn bỏ phắt việc, trả lại vườn cho họ đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hấn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: “Mặc chúng nó!...” Hấn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện... Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên chủ nhân không chịu để hấn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thằng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thâm cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn... Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thằng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hấn, thì hấn sẽ ngồi một mình một cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo cho hấn ngồi...

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tội lắm. Người ta nhất định bêu xấu hấn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy qua, chạy lại. Mỗi người đi qua lại hỏi hấn một câu:

- Lộ à, mày?

Cũng có người để thêm:

- Chà! Cỗ to đấy nhỉ? Đẳng ấy hoá ra lại ... bỏ!

A! Thế ra họ nói kháy anh cu Lộ vậy, cái lắm. Hấn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: “Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!...” Hấn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hấn cũng không được ung dung lắm. Tai hấn vẫn đỏ như cái hoa mào gà, và mặt hấn thì bẽn lẽn muốn chữa thẹn, hấn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai. Sau cái bữa đầu, hấn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai đã quen quen, không ngượng nghịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba

thì quen hẵn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hẵn trước, tự hẵn đi bưng lấy cỗ, và chọn lấy một cỗ thật to để các anh trông mà thèm. Bây giờ thì đến lượt người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà đòi một cỗ to hơn bốn người ăn!...

- Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: “Tham như mỡ”.

A! Họ bảo hẵn là mỡ vậy... Tham như mỡ vậy!... Đã vậy thì hẵn tham cho mà biết!... Từ đấy, không những hẵn đòi cỗ to, lúc ăn hẵn lại còn đòi xin thêm xôi, thêm thịt, thêm com nữa. Không đem lên cho hẵn thì tự hẵn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn lại hẵn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu lại để ăn hai ba ngày... Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khoẻ đi!

Cứ vậy, hẵn tiến bộ mãi trong nghề nghiệp mỡ. Người ta càng khinh hẵn, càng làm nhục hẵn, hẵn càng không biết nhục. Hời ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện...

Bây giờ thì hẵn mỡ hơn cả những thằng mỡ chính tông. Hẵn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hẵn chửi ngay, không ngượng:

- Mẹ! Xử bản cả với thằng mỡ... ”

(Trích **Tư cách mỡ(*)**, Nam Cao, NXB Hội nhà văn 1993)

(*)Mỡ/Thằng mỡ : là người có nhiệm vụ gõ mõ và thông báo theo chỉ thị của các chức sắc trong các làng xã cổ Việt Nam. Công việc của anh ta là đi khắp làng gõ mõ gọi dân làng đến tề tựu ở sân đình để nghe những tin tức mới xảy ra trong làng. Ngoài công việc trên, người này có nhiệm vụ khác là tuần phòng ban đêm và gõ từng hồi mõ báo hiệu giờ giấc dưới sự hướng dẫn của viên chức và các tráng đinh trong làng. Người này làm việc này không có lương bổng. Tuy nhiên anh ta thường được làng cấp cho một mảnh đất công nhỏ để cày cấy hoặc được đến mùa gặt thì được các địa chủ cho một ít thóc.

Trên thực tế, "thằng mõ" thường là một người rất nghèo và bị dân làng coi thường thân phận. Song hoàng đế [Lê Thánh Tông](#) (1442 - 1497) đã từng làm một bài thơ ngợi khen vai trò của "thằng mõ":

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Người kể chuyện kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Văn bản trên viết về đề tài gì ?

Câu 3. Đoạn văn: *“Hà hà! Phong lưu thật!... Cho chúng nó cứ cười khoẻ đi!”* là lời của ai?

Câu 4. Tại sao anh cu Lộ làm mõ trong làng đạo?

Câu 5. Quá trình hoàn thiện tư cách mõ của anh cu Lộ diễn ra như thế nào?

Câu 6. Nam cao thể hiện thái độ gì khi dùng đại từ “hắn”?

Câu 7. Từ văn bản trên, anh (chi) hãy rút ra cho bản thân một bài học sâu sắc nhất? vì sao?

Câu 8. Suy nghĩ của em về câu nói trong văn bản: *“Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm”*

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) bàn về đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn *“Tư cách mõ”* của nhà văn Nam Cao.

-----HẾT-----

